**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TÂN HỒNG**
TỈNH ĐỒNG THÁP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-ST
Ngày 17-10-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bé Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Hoàng Dũ.

2. Bà Bùi Thị Lý.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Vũ Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Huỳnh Cẩm D, sinh năm 1984, địa chỉ cư trú: Ấp M, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Lê Thị Ngọc Th, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Ngọc Th, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

*Bị đơn:* Nguyễn Thị H, sinh năm 1964, địa chỉ cư trú: Ấp M, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

*Người làm chứng:*

1. Hồ Đặng Ng, sinh năm 1984, địa chỉ cư trú: Ấp M, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

2. Nguyễn Văn C, sinh năm 1982.

3. Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1969.

Đồng địa chỉ cư trú: Ấp M, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Tất cả vắng mặt không lý do).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 5 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Huỳnh Cẩm D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Lê Thị Ngọc Th trình bày: Vào ngày 27-6-2017 âm lịch chị Huỳnh Cẩm D có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền là 100.000.00đồng, lãi suất 03%/tháng, thỏa thuận bà H sẽ đóng lãi hàng tháng và đến cuối vụ Đông Xuân năm 2018 sẽ trả số tiền gốc là 100.000.000đồng, nhưng đến nay bà H không trả tiền gốc hay tiền lãi cho chị D. Nên chị D có khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả số tiền vay còn thiếu gốc là 100.000.000đồng và lãi là 27.000.000đồng (Tính lãi từ tháng 6 năm 2017 âm lịch đến tháng 3 năm 2018 âm lịch là 9 tháng, số tiền vay 100.000.000đồng x 09 tháng x 03%/tháng = 27.000.0000đồng), tổng cộng gốc và lãi là 127.000.000đồng.

Nhưng tại phiên hòa giải ngày 21-8-2018 chị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả số tiền vay còn thiếu gốc là 100.000.000đồng, tính lãi từ ngày 27-6-2017 âm lịch (nhằm ngày 20-7-2017 dương lịch) tính đến ngày 20-8-2018 dương lịch, là 13 tháng 100.000.000đồng x 0,75%/tháng x 13 tháng = 9.750.000đồng, tổng cộng gốc và lãi là 109.750.000đồng và tiếp tục tính lãi đến khi xét xử xong vụ án.

Tại phiên tòa chị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H trả số tiền vay còn thiếu gốc là 100.000.000đồng, lãi suất tính 0,75%/tháng, tính lãi từ ngày 27-6-2017 âm lịch (nhằm ngày 20-7-2017 dương lịch) đến khi xét xử xong vụ án.

Trong văn bản ý kiến ngày 26-6-2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H không thống nhất theo yêu cầu của chị D, vì bà H không có thiếu tiền của chị D. Bà H cho rằng vào năm 2011 bà H có vay của chị D số tiền là 20.000.000đồng với lãi suất 04%/tháng, đến vụ lúa sẽ trả lãi (khoảng 03-04 tháng) và bà H có thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 6.074$m^2$. Do bà H khó khăn nên không có tiền trả lãi cho chị D nên đến năm 2012 chị D nhập lãi và gốc lại tổng cộng là 60.000.000đồng, đến tháng 11 năm 2012 âm lịch bà H bán đất cho ông Hồ Chí C và đã trả cho chị D số tiền 60.000.000đồng, tính đến thời điểm tháng 11 năm 2012 thì bà H còn thiếu lại chị D 05 tháng rưỡi tiền lãi với số tiền là 13.200.000đồng, khi đó bà H có thế chấp cho chị D một giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 2.934m$^2$. Nay chị D yêu cầu trả số tiền vay gốc là 100.000.000đồng, tiền lãi là 9.750.000đồng, tổng cộng gốc và lãi là 109.750.000đồng và tiếp tục tính lãi nên không thống nhất, mà bà H cho rằng chỉ còn thiếu chị D số tiền 13.200.000đồng (tiền lãi). Còn đối với biên nhận ngày 27-6-2017 âm lịch với số tiền 100.000.000 đồng, bà H thừa nhận là có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận nhưng không có nhận tiền của chị D. Nên bà H chỉ đồng ý trả cho chị D số tiền 20.000.000đồng, số tiền còn lại bà H xin toàn bộ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Huỳnh Cẩm D về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị H trả lại tiền vay 100.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là 0,75%/tháng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Theo lời khai của chị D: Cho rằng trước đây giữa chị D có cho bà H vay rất nhiều lần và các biên nhận trước bà H đã trả xong, còn lại biên nhận ngày 27-6-2017 âm lịch số tiền là 100.000.000 đồng bà H không trả. Nên chị D yêu cầu bà H trả nợ vay còn thiếu gốc là 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 0,75%/tháng từ ngày vay đến khi xét xử xong vụ án.

Theo lời khai của bà H: Bà H thừa nhận bà có ký tên vào biên nhận ngày 27-6-2017 âm lịch, nhưng bà H không có nhận tiền của chị D. Vì theo biên nhận trên toàn là tiền lãi của số tiền vay 20.000.000 đồng mà bà H vay của chị D năm 2011, lãi suất 04%/tháng, do bà H không có tiền trả nên chị D kê lãi lên thành 60.000.000đồng. Sau đó, bà H trả cho chị D 60.000.000 đồng, nhưng từ khi kết sổ thành 60.000.000 đồng, đến 05 tháng rưỡi sau bà H mới trả được số tiền 60.000.000 đồng, nên chị D tiếp tục tính lãi của số tiền 60.000.000 đồng thành

13.200.000 đồng (tiền lãi). Khi đó, bà H không có tiền trả cho chị D, nên chị D lại tiếp tục cộng dồn lãi thành 46.000.000 đồng và có thiếu tiền hụi của chị T, nên đến gặp chị D lấy thêm 4.000.000 đồng, trả cho chị T. Sau đó, chị D làm biên nhận ngày 13-7-2014 thành 50.000.000 đồng, nên bà H thống nhất ký tên. Do không có tiền trả nên chị D tính lãi tiếp thành 55.000.000 đồng, khi đó bà H không có nhà nên chị D nói với anh C em bà H là bà H có thiếu tiền trên và kêu anh C ký xác nhận để cho chị D mướn đất trừ nợ, nên anh C đồng ý ký xác nhận ngày 04-9-2014 âm lịch để trừ 15.000.000 đồng (tiền mướn đất) còn thiếu lại số tiền 40.000.000 đồng. Đến ngày 02-5-2015 âm lịch cộng lãi tiếp thành 50.000.000 đồng. Đến ngày 03-8-2015 âm lịch cộng lãi tiếp thành 54.500.000 đồng. Đến ngày 03-02-2016 âm lịch cộng lãi tiếp thành 64.000.000 đồng. Ngày 10-7-2016 âm lịch cộng lãi tiếp thành 73.000.000 đồng. Ngày 26-3-2017 âm lịch cộng lãi tiếp thành 91.000.000 đồng. Cuối cùng là biên nhận ngày 27-6-2017 âm lịch thành 100.000.000 đồng và nay bà H chỉ đồng ý trả 20.000.000 đồng, số tiền còn lại bà H xin toàn bộ. Bà H cho rằng khi bà ký tên vào biên nhận ngày 27-6-2017 âm lịch, khi đó có anh Hồ Đặng Ng chứng kiến trực tiếp và chị D cũng không có giao số tiền 100.000.000 đồng cho bà H. Nhưng theo lời khai của anh Ng thì không chứng kiến việc bà H ký tên vào biên nhận và giao tiền của chị D, anh Ng chỉ là người viết biên nhận dùm cho chị D. Theo lời khai của anh C cũng không biết việc vay tiền giữa chị D với bà H chỉ là ký tên xác nhận là cho mướn đất, còn số tiền 55.000.000 đồng trong biên nhận anh C cũng không biết tiền gốc hay tiền lãi. Theo lời khai của bà T là bà không biết việc vay tiền giữa chị D với bà H, mà chỉ có một lần cùng bà H đến nhà chị D nhận số tiền 4.000.000 đồng do bà H trả nợ, nhưng thời gian lâu quá không nhớ năm nào. Do đó, lời khai của anh Ng, anh C và bà T không biết gì về việc vay tiền giữa chị D với bà H, nên lời khai của anh Ng, anh C và bà T không có căn cứ xem xét.

Xét thấy: Bà H thừa nhận là có ký tên vào biên nhận ngày 27-6-2017 âm lịch thiếu tiền vay là 100.000.000 đồng, nhưng không có nhận tiền mà theo biên nhận trên là tiền lãi của số tiền lãi 13.200.000 đồng của số tiền vay 20.000.000 đồng năm 2011. Bà H cung cấp chứng cứ cho Tòa án gồm: Giấy giao kèo ngày 10-6-2012 âm lịch (có gạch chéo nội dung số tiền là 60.000.000 đồng), bà H cho rằng trả xong nên gạch bỏ và phía sau có ghi 05 tháng rưỡi thành tiền là "lãi - 13.200" ngày 25-11-2012, không nhớ ai ghi cũng không ai ký tên. Giấy giao kèo ngày 13-7-2014 số tiền là 50.000.000 đồng. Giấy tổng cộng vốn và lời ngày 04-9-2014 âm lịch số tiền là 55.000.000 đồng. Giấy giao kèo ngày 02-5-2015 âm lịch số tiền là 50.000.000 đồng. Giấy giao kèo ngày 03-8-2015 âm lịch số tiền là 54.500.000đồng. Giấy giao kèo ngày 03-02-2016 âm lịch số tiền là 64.000.000đồng. Giấy giao kèo thế chấp quyền sử dụng đất ngày 10-7-2016 âm lịch số tiền là 73.000.000 đồng. Giấy giao kèo thế chấp quyền sử dụng đất ngày 26-3-2017 âm lịch (bản phô tô) số tiền là 91.000.000 đồng và biên nhận ngày 27-6-2017 âm lịch (bản phô tô) với số tiền là 100.000.000 đồng. Nhưng bà H không tính được từ số tiền 13.200.000 đồng mà bà H cho rằng tiền lãi, tính đến ngày 27-

6-2017 âm lịch thành 100.000.000 đồng. Hơn nữa biên nhận ngày 27-6-2017 âm lịch không ghi tiền gốc cộng tiền lãi. Đồng thời, bà H ký tên và ghi họ tên vào biên nhận ngày 27-6-2017 âm lịch là bà H tự ký tên không ai đe dọa hay ép buộc bà. Do đó, lý lẻ của bà H đưa ra là không có cơ sở.

Nên việc chị D yêu cầu bà H trả tiền vay gốc là 100.000.0000 đồng là có cơ sở nên chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Đối với tiền lãi chị D yêu cầu tính lãi 0,75%/tháng, tính từ ngày vay đến khi xét xử xong vụ án là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Số tiền 100.000.000 đồng tính từ ngày 27-6-2017 âm lịch (nhằm ngày 20-7-2017 dương lịch) tính đến ngày 17-10-2018, là 14 tháng 27 ngày 100.000.000đồng x 0,75%/tháng x 14 tháng 27 ngày = 11.175.000đồng.

[3] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 111.175.000đồng x 5% = 5.558.750đồng, làm tròn 5.558.000đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Huỳnh Cẩm D.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho chị Huỳnh Cẩm D số tiền vay còn thiếu gốc 100.000.000 đồng, lãi là 11.175.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 111.175.000 đồng (Một trăm mười một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Huỳnh Cẩm D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị Huỳnh Cẩm D 3.175.000đồng (Ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: BG/2015 0001859 ngày 24-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.558.000đồng (Năm triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17-10-2018).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Bé Hương**